

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HS-ST

Ngày 22/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Quách Văn Toàn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Ninh Thị Hải - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Trọng H, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2004; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn HT, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: Không xác định được, họ tên mẹ: Lê Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Trọng H: Bà Lê Thị D, sinh năm 1957. Cư trú: Thôn HT, xã M, huyện N, Thanh Hóa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Trọng H: Bà Lê Thị Thu Vân - Trợ giúp viên pháp lý. Công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn HT, xã M, huyện N, Thanh Hóa

2.3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Quốc V - Sinh năm 1966. Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn NL, huyện N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/02/2023 Lê Trọng H, trú tại thôn HT, xã M, huyện N mượn xe mô tô của anh Trần Tiến T, ở thôn 10, xã TM, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (cùng làm với H ở quán Karaoke KB), đến nhà chị Nguyễn Thị H, ở thôn HT, xã M, huyện N, quan sát thấy không có người ở nhà nên H điều khiển xe đi vào bãi cỏ voi trước nhà chị H cất giấu, sau đó đi bộ ra phía sau, trèo tường đột nhập vào khu bếp nhà chị H, thấy cửa gỗ phía sau đã chốt bên trong, H dùng cục nam châm mang theo dùng lực hút của nam châm đẩy thanh sắt chốt cửa ra, mở cửa đi vào phòng ngủ lục tìm tài sản, phát hiện trong túi áo khoác treo trong tủ quần áo có 01 chiếc nhẫn bằng vàng và 01 chùm chìa khóa dùng để mở két sắt, H lấy chìa khóa mở két sắt lấy 01 lắc tay bằng vàng, 02 nhẫn vàng và 02 khuyên tai loại mỹ ký sau đó theo đường cũ tẩu thoát ra ngoài. Sau khi lấy được tài sản, H điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng vàng bạc VN, ở phố L, thị trấn NL bán toàn bộ số vàng trên được số tiền 27.000.000 đồng. Đối với 01 đôi hoa tai là loại mỹ ký không bán được nên H bỏ vào túi áo khoác, trên đường về H đã làm mất 01 chiếc. Số tiền có được từ việc trộm cắp H đến cửa hàng điện thoại di động TA, ở phố L, thị trấn NL mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, số tiền 9.700.000 đồng và đến cửa hàng xe máy XP Motor, ở khu 3, thị trấn LS, huyện TX mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 36F1 – 203.42, số tiền 11.000.000 đồng, số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/02/2023 chị Nguyễn Thị H phát hiện bị mất trộm tài sản nên đã đến cơ quan Công an trình báo. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác định người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình chị Nguyễn Thị H ngày 21/02/2023 là Lê Trọng H, làm việc với Cơ quan điều tra H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp toàn bộ tài sản, đồ vật có liên quan để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 30.276.000 đồng.

Quá trình điều tra bị can có dấu hiệu bị bệnh tâm thần, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định, Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Trọng H bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên, bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về vật chứng: Cơ quan Công an đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 36F1 – 203.42 và 01 chiếc hoa tai bằng kim loại. Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

Đối với 01 cục nam châm bị can sử dụng làm phương tiện phạm tội Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Trọng H đã cùng với gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lê Trọng H.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSNL ngày 06 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Trọng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Trọng H mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Chấp nhận người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt từ 18 đến 20 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tội ngày 21/02/2023 Lê Trọng H đã có hành vi lén lút trộm cắp nhẫn và lắc tay bằng vàng của chị Nguyễn Thị H giá trị 30.276.000đ (Ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Lê Trọng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Nên cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; bị cáo tự nguyện bồi thường

thiệt hại cho người bị hại; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định các điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo giáo dục thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và đang ở chung với ông bà ngoại, bị cáo không có tài sản riêng, bị cáo lao động tự do thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án Viện kiểm sát đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 cục nam châm H sử dụng làm phương tiện phạm tội Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với Trần Tiến T cho Lê Trọng H mượn xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra Trần Tiến T không biết H mượn xe để sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên không có căn cứ để xử lý đối với Trần Tiến T là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trọng H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Lê Trọng H.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng H 20 (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (Bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Trọng H.

Giao bị cáo Lê Trọng H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Trọng H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- CQĐT CA huyện N;
- CQTHAHS CA huyện N;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án DS huyện N;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

